

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2400974787

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 09 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AISHI OPTICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM AISHI OPTICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM AISHI OPTICS CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Một phần lô CN-03 (CN-03.5), Khu công nghiệp Tân Hưng, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0866857045

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 71.400.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ bốn trăm triệu đồng
(tương đương 3.000.000 USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: HONG KONG AISHI GLASSES CO., LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3250020

Ngày cấp: 20/03/2023 Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh đặc khu hành chính Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Suite 820, 8/F Ocean CTR Harbour City 5 Canton Rd Tst Kln Hong Kong, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHEN, HONGHAI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/03/1974 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EG3059715

Ngày cấp: 13/05/2019 Nơi cấp: Cục Quản lý di quốc gia dân quốc gia - nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Địa chỉ thường trú: Số 304, Tòa 6, Khu Taoyuanju, Đường Puxieshi, Quận Lucheng, Thành phố Ôn Châu, Tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc

Địa chỉ hiện lạc: NT06-246, đường Ngọc Trai, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



NGUYỄN VŨ ĐIỂN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8704353356

Chứng nhận đăng ký lần đầu: Ngày 25 tháng 9 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 1937-TB/TU ngày 24/9/2023 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc chủ trương chấp thuận đầu tư dự án “Dự án nhà máy Aishi Optics Việt Nam” của Nhà đầu tư Hong Kong Aishi Glasses Co., ltd;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) của Nhà đầu tư Hong Kong Aishi Glasses Co., ltd,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN**

Điều 1. Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: HONG KONG AISHI GLASSES CO., LIMITED

Giấy Chứng nhận thành lập số hiệu: 3250020 do Phòng đăng ký kinh doanh đặc khu hành chính Hồng Kông - Trung Quốc cấp ngày: 20/3/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Suite 820, 8/F Ocean CTR Harbour City 5 Canton Rd Tst Kln Hong Kong, Trung Quốc.

Điện thoại: +86 13857791819 Email: info@aishioptics.com

2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư

Họ và tên: CHEN, FANGZHOU; Ngày sinh: 26/4/1994; Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc; Quốc tịch: Trung Quốc;

Hộ chiếu số: E70886482; Ngày cấp: 29/6/2016;

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an Trung Quốc

Địa chỉ thường trú/chỗ ở hiện tại: Đường Xueyuan, quận Lucheng, thành phố Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN NHÀ MÁY AISHI OPTICS VIỆT NAM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) KCN Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

3. Diện tích đất thực hiện dự án: 20.000 m²

4. Mục tiêu và quy mô của dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô	
			ĐVT/năm	Số lượng
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất, gia công các loại gọng kính từ plastic	2220	Chiếc	
	Gọng kính Acetate			2.100.000
	Gọng kính Injection			2.200.000
2	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công các loại gọng kính từ kim loại	2599	Chiếc	1.850.000

5. Tổng vốn đầu tư đăng ký của dự án: 211.820.000.000 VNĐ (Hai trăm mười một tỉ tám trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam) tương đương 8.900.000 USD (Tám triệu chín trăm nghìn đô la Mỹ).

5.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư

- Vốn góp để thực hiện dự án: 71.400.000.000 VNĐ tương đương 3.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 33,7% tổng vốn đầu tư của dự án.

- Vốn vay và huy động: 140.420.000.000 VNĐ tương đương 5.900.000 USD, chiếm tỷ lệ 66,3% tổng vốn đầu tư của dự án.

5.2. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn

- Vốn góp thực hiện dự án: 18 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT

- Vốn vay và huy động: 24 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT

6. Tiến độ thực hiện dự án: 24 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT, cụ thể:

- Đến Quý IV/2023: hoàn thành các thủ tục đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, thuế, hoàn thiện các thủ tục về môi trường, PCCC, xây dựng.

- Đến Quý III/2025: hoàn thành các công trình xây dựng; mua sắm và lắp đặt thiết bị, tuyển dụng, đào tạo lao động; vận hành chạy thử.

- Đến IV/2025: dự án chính thức đi vào hoạt động.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 23/11/2071

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, môi sinh và phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định.
3. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất theo mục tiêu đăng ký của dự án.
4. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư.
5. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN LIDECO 1

LIDECO 1 股份公司

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立 – 自由 – 幸福

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

土地租赁正式合同

Số 编号: 0711/2023/HĐTD-LDC1&AISHI

THUÊ LẠI ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TÂN HƯNG

关于在新兴工业区租赁土地含基础设施

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN LIDECO 1

LIDECO 1 股份公司

VÀ 与

CÔNG TY TNHH AISHI OPTICS VIỆT NAM

VIETNAM AISHI OPTICS COMPANY LIMITED

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

土地租赁正式合同

Về việc thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất tại Khu công nghiệp Tân Hưng

关于在新兴工业区租赁土地含基础设施

Số 编号: 0711/2023/HBTĐ-LDC1&AISHI

CĂN CỨ:

根据:

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

根据越南社会主义共和国国会于 2013 年 11 月 29 日核发的第 45/2013/QH13 号土地法、越南政府于 2014 年 5 月 15 日核发的第 43/2014/ND-CP 号议定, 其详述《土地法》条款的实施情况、政府于 2017 年 01 月 06 日核发的第 01/2017/ND-CP 号议定, 其修改和补充一些详述《土地法》条款的实施情况的议定;

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

根据越南社会主义共和国国会于 2015 年 11 月 24 日核发的第 91/2015/QH13 号民法;

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

根据政府于 2020 年 6 月 17 日第 61/2020/QH14 号投资法、于 2021 年 03 月 26 日核发的第 31/2021/NĐ-CP 号议定, 其详述并指导《投资法》条款的实施情况;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;



根据越南社会主义共和国国会于 2020 年 11 月 17 日核发第 72/2020/QH14 号环境保护法;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên;

根据双方需求和能力;

Hôm nay ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Công ty Cổ phần Lideco 1, Chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

今天 2023 年 11 月 07 日, 在 Lideco 1 股份公司总部, 我们包括以下各方:

BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN LIDECO 1.

出租方: LIDECO 1 股份公司

Địa chỉ đăng ký : Tầng 2, nhà NV1-14 khu nhà ở Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ,
地址 Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2nd floor, building NV1-14, Dai Mo house, Dai Mo Ward,
Nam Tu Liem District, Ha Noi City, Viet Nam

Mã số thuế: : 0104251985

税号

Chủ tài khoản : CONG TY CO PHAN LIDECO 1

账户 LIDECO 1 JOINT STOCK COMPANY

Tài khoản số: : 110 600 603 939 (VND)

账号

Tên ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh
银行 Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Vietnam Investment Joint Stock Bank (Vietinbank) – Hoang
Mai Branch, Hanoi

Địa chỉ ngân hàng : Số 25 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội

\\银行地址 No. 25 Tan Mai street, Tan Mai ward, Hoang Mai district,
Hanoi city.

Swift code : ICBVNVX

Điện thoại : 024.2181756 Fax 传真: 024.7500988

电话

Đại diện hợp pháp : Nguyễn Hoài Nam

法定代表人

Chức vụ : Phó tổng giám đốc

职位 副总经理

(Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

(一下简称为“甲方”)

BÊN THUÊ: CÔNG TY TNHH AISHI OPTICS VIỆT NAM

承租方: VIETNAM AISHI OPTICS COMPANY LIMITED

3/27

Nail 2

Địa chỉ đăng ký : Một phần lô CN-03 (CN-03.5), Khu công nghiệp Tân Hưng, Xã
地址 Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
越南北江省谅江县昌林社新兴工业区 CN-03 号地块一部分
(CN-03.5)

Mã số thuế: : 2400974787

税号

Đại diện hợp pháp : CHEN, HONGHAI

法定代表人

Chức vụ : Tổng giám đốc

职位 总经理

(Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

(一下简称为“乙方”)

Xét rằng:

- Bên A là pháp nhân được thành lập, hoạt động theo pháp luật Việt Nam, hiện đang là Chủ đầu tư dự án: Đầu tư phát triển kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Hưng (KCNTH), huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; mã số dự án 1261214888 ngày 07/12/2021 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp;

甲方是根据越南法律成立和经营的法人实体，目前是该项目的投资者：投资北江省谅江县新兴工业区基础设施开发商；项目编号 1261214888, 2021/12/07 由北江省工业园区管理局核发；

- Bên B là doanh nghiệp có nhu cầu thuê lại quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng để thực hiện dự án đầu tư (được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8704353356 được cơ quan nhà nước cấp) trong Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

乙方是一家外国企业，希望租赁土地含基础设施相关使用权，以实施在北江省谅江县新兴工业园区进行在由国家主管机构核发的第 8704353356 号投资登记证中规定的投资项目。

- Hai bên cùng nhau thoả thuận và ký kết Hợp đồng về việc thuê lại đất có cơ sở hạ tầng tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê đất” / “Hợp đồng”), với các điều kiện và điều khoản sau:

双方就北江省谅江县新兴工业区 CN-03 号地块的一部分 (CN-03.5) 含基础设施的土地使用权转租事宜达成共识并签订合（以下简称“土地租赁合同”/“合同”）具有以下条款和条件：

Điều 1: Định nghĩa.

第一条：定义

18/12/2021

Ngoại trừ trường hợp có ý nghĩa khác tùy theo ngữ cảnh, những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và diễn giải như sau:

除非根据上下文有不同的含义, 下列词语的定义和解释如下:

- Mỗi Bên được gọi riêng là “Bên A”/ “Bên cho thuê lại đất” hoặc “Bên B” / “Bên thuê lại đất”; gọi chung là “hai Bên”/ “các Bên”.

各方单独称为“甲方”/“土地转租人”或“乙方”/“土地租赁人”; 统称为“双方”、“各方”。

- “Hợp đồng”/ “Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng” là Hợp đồng thuê lại đất cùng các Phụ lục, các tài liệu và thỏa thuận liên quan (nếu có) sẽ được hai Bên ký kết sau khi đủ điều kiện thực hiện giao dịch theo quy định.

“合同”/“土地租赁合同”是指土地含基础设施租赁合同连同相关附件、文件和协议（如有），将由双方在满足土地租赁条件后签署。

- “KCNTH” là khu công nghiệp Tân Hưng nằm trên địa bàn thuộc xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang do UBND tỉnh Bắc Giang giao cho Bên A đầu tư xây dựng hạ tầng để cho thuê toàn bộ hoặc từng lô đất riêng lẻ phục vụ cho mục đích sản xuất công nghiệp.

新兴工业区是指位于北江省谅江县昌林社的新兴工业园区，由北江省人民委员会指定给甲方投资建设基础设施以出租全部或部分地块，用于工业生产目的。

- “Lô Đất” là Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) tại Khu công nghiệp Tân Hưng, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, có diện tích 20.000 m² (Bằng chữ: Hai mươi nghìn mét vuông) mà các Bên thỏa thuận (cho) thuê lại theo Hợp đồng này. Vị trí, diện tích, kích thước chi tiết của Lô Đất được xác định theo bản đồ đo đạc chính lý địa chính Lô Đất đính kèm Hợp đồng này. Cao độ Lô Đất theo cao độ quy định san nền của KCNTH theo phê duyệt của cơ quan nhà nước.

“地块”为双方同意根据本合同租赁的 CN-03 号地块的一部分 (CN-03.5)，位于北江省谅江县昌林社新兴工业区，面积 20,000 平方米（大写：贰万平方米）。地块的位置、面积和详细尺寸根据本合同附上的地块地籍图确定。地块高度根据新兴工业区获越南政府单位批准的平整高度。

- “Dự Án” là Dự án đầu tư của Bên B và sẽ được thực hiện các thủ tục với Cơ quan có thẩm quyền để được chấp thuận chủ trương đầu tư và/hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trên Lô Đất.

“项目”是指乙方的投资项目，将向主管当局办理批准投资政策和/或地块投资登记证的手续。

- “Cơ quan có thẩm quyền” là Cơ quan, Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

“主管当局”是指根据越南法律规定具有职能、任务和权限的机构或组织。

海

Nam

- “**Hồ sơ giao đất**” là tập hợp các tài liệu liên quan đến việc bàn giao Lô Đất bao gồm Biên bản bàn giao các mốc ranh giới, diện tích, kích thước Lô Đất (có tọa độ của các điểm mốc ranh giới Lô Đất); các bản vẽ điểm đầu nối hạ tầng như: thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sạch... và các tài liệu pháp lý liên quan của Lô Đất.

“**场地移交文件**”是与地块区域移交相关的文件集合，包括边界标志的移交记录、面积、尺寸（以及地界标志的坐标）；基础设施连接点，例如：雨水排放、废水排放、供自来水等等以及土地的相关法律文件。

Điều 2: Nội dung thỏa thuận.

第二条：协议的内容

2.1. Bên A thỏa thuận cho Bên B thuê lại Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) với diện tích 20.000 m2 (“Diện tích”) tại KCNTH để đầu tư xây dựng Dự Án của Bên B.

甲方同意将面积为 20,000 平方米 (“面积”) 的新兴工业区 CN-03 号地块的一部分 (CN-03.5) 转租给乙方，用于投资建设乙方项目。

2.2. Lô Đất bao gồm Vị trí, Kích thước, Diện tích được xác định theo bản đồ đo đạc chính lý địa chính khu đất đính kèm, là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc.

地块包括附上的地块地籍图中确定的位置、尺寸和面积，为原则合同不可分割的组成部分。

Tại thời điểm lập Hồ sơ giao đất, nếu Diện tích trên Hợp đồng khác với Diện tích trên Hồ sơ giao đất thì hai Bên sẽ lập Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh Diện tích theo Diện tích thực tế. Diện tích điều chỉnh này là cơ sở để hai Bên xác định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan theo Hợp đồng. Giá trị chênh lệch của các khoản thanh toán sẽ được bù trừ tại kỳ thanh toán kế tiếp. Diện tích đất chính xác sẽ căn cứ vào số liệu đo đạc của cơ quan nhà nước và được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên B.

在制作土地移交文件时，如合同面积与土地移交文件面积不一致，双方将制作合同附件，根据实际面积调整。该调整面积是双方确定和履行合同项下相关权利义务的依据。付款之间的差额将在下一个付款期抵消。具体地块面积以在乙方土地使用权证记载并由国家主管机构测量的数据为准。

2.3. Thời hạn thuê lại đất

土地租赁期限

Thời hạn thuê lại đất sẽ được tính từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất đến ngày 23/11/2071 (“Thời hạn thuê”). Sau thời hạn này, hai Bên sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

土地租赁期限从签署土地租赁期限到 2071 年 11 月 23 日 (“租赁期限”)。该期限结束后，双方将根据越南法律执行。

Điều 3: Phí Sử dụng đất có cơ sở hạ tầng trọn gói.

第三条：土地含基础设施使用费

Phí Sử dụng đất bao gồm cơ sở hạ tầng trọn gói (Chưa bao gồm thuế GTGT) là 2.068.050 VNĐ/m²/Toàn bộ thời gian thuê (đến ngày 23/11/2071) (Bằng chữ: Hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng một mét vuông).

土地含基础设施使用费（不含增值税）单价为 2,068,050 VNĐ/平方米/整个租期（至 2071 年 11 月 23 日止）（大写：贰佰零陆万捌仟零伍拾越南盾）。

Tổng Phí sử dụng hạ tầng trọn gói (chưa bao gồm VAT):

土地含基础设施使用费的总计（未含增值税）

$20.000 \text{ m}^2 \times 2.068.050 \text{ VNĐ/m}^2 = 41.361.000.000 \text{ VNĐ (1)}$

(Bằng chữ: Bốn mươi một tỉ ba trăm sáu mươi một triệu đồng)

(大写：肆佰壹拾叁亿陆仟壹佰万越南盾)

Thuế GTGT:

增值税:

$(1) \times 10\% = 4.136.100.000 \text{ VNĐ (2)}$

Phí Sử dụng hạ tầng trọn gói (bao gồm VAT)

基础设施使用费（含增值税）:

$(1) + (2) = 45.497.100.000 \text{ VNĐ}$

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỉ bốn trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng)

(大写：肆佰伍拾肆亿玖仟柒佰壹拾万越南盾)

Điều 4: Hình thức thanh toán và tiến độ thanh toán.

第四条：付款方式和进度

4.1. Hình thức thanh toán / 付款方式

Bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A theo thông tin sau:

根据以下信息通过银行转账至

Chủ tài khoản 账户: CONG TY CO PHAN LIDECO I

Số tài khoản 账号: 110 600 603 939 (VNĐ)

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)

– Chi nhánh Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

海

NAME

银行: Vietnam Investment Joint Stock Bank (Vietinbank) – Hoang Mai Branch, Hanoi

Địa chỉ ngân hàng: Số 25 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

银行地址: No. 25 Tan Mai street, Tan Mai ward, Hoang Mai district, Hanoi city.

Swift code: ICBVNVX

Tất cả các thanh toán theo Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng được giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam đều phải thực hiện bằng Đồng Việt Nam thông qua hình thức Chuyển khoản. Bên B chịu mọi lệ phí Ngân hàng hoặc các loại phí khác (nếu có) đối với các khoản thanh toán cho Bên A.

在越南境内交易的土地含基础设施租赁正式合同项下的所有付款必须通过银行转账以越南盾支付。乙方应承担支付给甲方的所有银行费用或其他费用（如有）。

Bên A không chấp nhận bất kỳ lý do nào cho việc chậm thanh toán của Bên B ngoại trừ sự chậm trễ do lỗi hoặc vi phạm của Bên A gây ra hoặc hai Bên có thỏa thuận khác.

甲方不接受乙方以任何理由延迟付款，但因甲方的过错或违规行为造成的延迟或双方另有约定的除外。

4.2. Tiến độ thanh toán/ Payment schedule

Đợt thanh toán thứ 1: Vào thời điểm kí kết hợp đồng này, Bên B cần thanh toán đủ cho Bên A 50% giá trị hợp đồng sau thuế, cụ thể là 22.748.550.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai tỉ bảy trăm bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).



第一期付款: 签订本合同时, 乙方需向甲方支付合同税后金额的 50%, 具体为 22,748,550,000 VNĐ (大写: 贰佰贰拾柒亿肆仟捌佰伍拾伍万越南盾)。

Sau khi nhận được số tiền trên, căn cứ theo thỏa thuận bốn bên số 02/2023/TTBB/AISHI, Bên A sẽ trả lại số tiền đặt cọc thuê đất có cơ sở hạ tầng quy định tại hợp đồng nguyên tắc số 02/2023/HĐNT-LDC1&AISHI, sau khi quy đổi có giá trị cụ thể là 2.025.213.960 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỉ không trăm hai mươi lăm triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm sáu mươi Việt Nam đồng), vào tài khoản dưới đây:

收到上述金额后, 甲方根据第 02/2023/TTBB/AISHI 号四方协议将第 02/2023/HĐNT-LDC1&AISHI 号原则合同规定的押金, 换成越南盾后金额为 2,025,213,960 VNĐ (大写: 贰拾亿贰仟伍佰贰拾壹万叁仟玖佰陆拾越南盾), 转账以下账号:

Tên tài khoản : AISHI OPTICS CO., LIMITED

账户

Tài khoản số: : 747-179182-838

账号

Tên ngân hàng : HSBC HONGKONG

银行

Địa chỉ ngân hàng : HSBC Headquarters Building, 1 Queen's Road Central, Hồng Kông

银行地址 香港九龙皇后大街1号, 汇丰大楼

Swift code : HSBCHKH HKH

Bên A cung cấp hóa đơn GTGT tương đương với giá trị thanh toán của đợt thanh toán thứ 1 cho Bên thuê.

甲方提供相当于第一次付款金额的增值税发票给承租方.

Đợt thanh toán thứ 2: Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ Bên A bàn giao mặt bằng Lô đất cho Bên B (Ngày bàn giao), Bên thuê thanh toán tiếp cho Bên A 40% giá trị hợp đồng sau thuế trị giá 18.198.840.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười tám tỉ một trăm chín mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Bên A có nghĩa vụ cung cấp hóa đơn GTGT tương đương với giá trị thanh toán đợt 2 cho Bên thuê. Trong thời gian tối đa 8 tháng kể từ khi Bên A nhận được khoản tiền thanh toán đợt 2, Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản hợp đồng này (sổ đỏ) bản gốc cho Bên thuê.

第二次付款: 自甲方将地块向甲方移交时(交接日期)起最多 10 (十) 日内, 承租方应向甲方支付合同税后价值的 40%, 价值为 18,198,840,000 VNĐ (大写: 壹佰捌拾壹亿玖仟捌佰捌拾肆万越南盾) 甲方有义务提供相当于第二期付款价值的发票给承租方。在甲方收到第二期付款后最长 8 个月内, 甲方将本合同项下的土地使用权证正本(红皮书)交给承租方。

Đợt thanh toán thứ 3: Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản Hợp đồng này (Sổ đỏ) bản gốc cho Bên thuê, Bên thuê thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng còn lại cho Bên A cùng với thuế GTGT, tương đương 4.549.710.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỉ năm trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Bên A cung cấp hóa đơn GTGT tương đương với giá trị thanh toán đợt 3 cho Bên thuê.

第三期付款: 自甲方将本合同项下的土地使用权证正本(红皮书)交给承租方之日起最多 10 (十) 日内, 承租方应向甲方支付全部剩余合同价款以及增值税, 相当于 4,549,710,000 VNĐ (大写: 肆拾伍亿肆仟玖佰柒拾壹万越南盾)。甲方向承租方提供相当于第三期付款金额的增值税发票。

Điều 5: Các chi phí khác

36
15/11/8

第五条：其他费用

5.1 Tiền thuê đất hàng năm phải trả cho nhà nước áp dụng theo ưu đãi mà Bên B nhận được theo quy định của nhà nước. Hiện tại, tiền thuê lại đất hàng năm được miễn giảm tới 11/2034. Hết thời gian miễn tiền thuê đất, Bên B thanh toán Tiền thuê lại đất thô cho Bên A hàng năm (hoặc theo thỏa thuận khác) trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền của Bên A.

国家年度土地租金根据乙方按国家规定获得的优惠。目前，年度土地租金免征至 2034 年 11 月。在土地租金免除期结束时，乙方在收到甲方支付通知之日起十 (10) 日内 (或另有约定) 向甲方支付土地年度租金。

5.2 Phí quản lý hạ tầng: 10.170 VNĐ/m²/năm (Bằng chữ: Mười nghìn một trăm bảy mươi đồng một mét vuông một năm). Bên A sẽ miễn 18 tháng phí quản lý cho Bên B kể từ ngày bàn giao đất chính thức bằng văn bản. Biên bản bàn giao phải ghi rõ bên A đã cung cấp đủ hạ tầng điện, nước và đường giao thông (ít nhất có đồ đá nhỏ base trên bề mặt đường) tới lô đất của bên B.

管理费：10,170 越南盾 /平方米/年 (大写：每年每平方米壹万壹佰柒拾越南盾)。甲方自以书面形式移交土地之日起免除乙方 18 个月的管理费。移交记录要注明甲方已经提供电，水基础设施及道路 (路面最少要做小碎石) 到乙方的地块。

5.2.1 Điều chỉnh Phí Quản Lý: Phí Quản Lý sẽ được điều chỉnh theo chu kỳ hai (2) năm một lần với mỗi lần điều chỉnh không quá 10% của giá kỳ trước liền kề. Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản về Phí Quản Lý khi được điều chỉnh.

管理费调整：管理费将每两 (2) 年调整一次，每次调整不超过上一期间价格的 10%。管理费调整时，甲方将书面通知乙方。

5.2.2 Bên B sẽ thanh toán Phí Quản Lý cho Bên A trước ngày 15 của tháng Một hàng năm trên cơ sở thông báo bằng văn bản của Bên A được gửi cho Bên B trước ít nhất 5 (năm) ngày.

如果甲方至少提前 5 (五) 天发送给乙方的书面通知，乙方每年 1 月 15 日前将向甲方支付管理费。

5.3 Phí sử dụng điện, nước sạch, thông tin liên lạc:

电费、净水费、联系方式:

Bên B trực tiếp ký Hợp đồng cung ứng điện, nước sạch, thông tin liên lạc và thanh toán tiền sử dụng trực tiếp với đơn vị kinh doanh ngành điện, nước sạch, thông tin liên lạc trong Khu công nghiệp.

乙方与工业区内电力、净水、通讯行业的供应单位直接签订电力、净水、通讯供应合同并付费。

5.4 Phí xử lý nước thải:

废水处理成本:

Bên B phải thiết kế, xây dựng hai hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt để đầu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải của Khu công nghiệp. Toàn bộ nước thải

sản xuất, sinh hoạt của Bên B trong quá trình hoạt động phải xử lý sơ bộ tối thiểu đạt mức nước B (theo QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo TCVN áp dụng tại từng thời điểm xả thải và theo qui định chung của Khu công nghiệp) thông qua hệ thống lắng và tách rác thô (hồ ga hoặc bể lắng) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa và thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp. Bên A hoặc đơn vị kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải tiếp tục xử lý nước thải để đạt tiêu chuẩn quy định.

乙方必须设计建造两个独立的雨水和污水排放系统，分别连接到工业园区的雨水和污水排放系统。乙方在运营期间的所有生产和生活废水必须至少达到B级水质标准（根据QCVN 40:2011/BTNMT 或根据每次排放适用的越南标准并按工业区规定进行预处理）在排放到工业园区的一般雨水排放和废水收集系统之前，通过一个沉淀和分离系统（人孔或沉淀池）来处理原始废物。甲方或污水处理服务事业单位继续对污水进行处理达到规定标准。

Phí xử lý nước thải là 9.500 VNĐ/m³ (Bằng chữ: Chín nghìn năm trăm Việt Nam đồng một mét khối nước).

废水处理费为 9,500 VNĐ/m³ (大写: 每平方米玖仟伍佰越南盾)。

Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền xử lý nước thải cho Bên A hoặc đơn vị kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải với đơn giá áp dụng chung cho các nhà đầu tư trong Khu công nghiệp. Nội dung chi tiết về việc thu gom, xử lý nước thải sẽ được hai Bên hoặc giữa Bên B và đơn vị xử lý nước thải thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải riêng.

乙方负责向甲方或污水处理服务事业单位支付污水处理费，按工业园区投资者普遍适用的单价。污水收集和处理的具體内容由双方或乙方与污水处理单位在签订污水处理服务提供合同时共同商量。

5.5 Các mức phí trên chưa bao gồm VAT.

以上费用不含增值税。

Điều 6: Bàn giao lô đất

第六条: 地块移交

Bên A cam kết đáp ứng điều kiện bàn giao Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) tại Khu công nghiệp Tân Hưng, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích 20.000 m² cho bên B theo quy định của pháp luật, bao gồm:

甲方承诺依法答应向乙方移交在北江省谅江县昌林社新兴工业区的 CN-03 号地块一部分 (CN-03.5)，面积为 20,000 m² 的地块的条件，包括：

6.1 Lô đất đã được thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng, không có bất kỳ tranh chấp nào với bên thứ ba.

6.1 地块已被征用，补偿场地清理，与第三方无纠纷。

6.2 Bên A phải hoàn thành thủ tục thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải có quyết định thu hồi đất và giao cho bên A thuê, phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bàn giao đất trên thực địa và có lập biên bản bàn giao đất.

6.2 甲方必须与国家主管机关完成土地租赁手续, 必须有征地及出租给甲方的护决定书, 土地必须由国家主管机关移交, 并有土地移交记录。

6.3 Bên A đã hoàn thành thủ tục phê duyệt quy hoạch về việc đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCNTH.

6.3 甲方已完成新兴工业区基础设施投资、建设、经营规划审批手续。

6.4 Lô đất đã được xây dựng cơ bản cơ sở hạ tầng theo đúng quy hoạch và giấy phép xây dựng mà bên A đã được cơ quan nhà nước cấp phép.

6.4 该地块已按照甲方获得国家机关许可的规划及建设许可证进行基础设施的基本建设工作。

6.5 Lô đất bàn giao cho bên B thuê lại đủ điều kiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho bên B.

6.5 移交给乙方转租的地块有资格由国家主管部门核发土地使用权证书。

6.6 Bên A có trách nhiệm bàn giao cao độ của lô đất cho bên B đúng theo quy chuẩn đã được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

6.6 甲方负责按照越南主管部门批准的标准将地块标高移交给乙方。

6.7 Bên A dự kiến hoàn thiện hệ thống đường đổ Base vào tháng 11/2023.

6.7 甲方预计于 2023 年 11 月完成工业园区道路, 路面先用小碎石。

6.8 Bên A dự kiến hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và cung cấp nước sạch vào tháng 11/2023.

6.8 甲方预计 2023 年 11 月完成污水处理系统和自来水供应系统。

6.9 Bên A dự kiến hoàn thiện cấp điện vào tháng 11/2023.

6.9 甲方预计 2023 年 11 月完成供电系统。

6.10 Bên A dự kiến giao đất cho bên B trước ngày 30/11/2023 để bên B tiến hành xây dựng nhà xưởng.

6.10 甲方预计 2023 年 11 月 30 日前交土地给乙方先盖厂房。

Điều 7: Trách nhiệm của các bên

第七条: 双方责任

7.1. Trách nhiệm của bên A:

11

7.1. 甲方责任:

(i) Đảm bảo Lô đất không có tranh chấp tại thời điểm ký Hợp đồng này.

(i) 确保在签署本合同时该地块无争议。

(ii) Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của Bên B xây dựng trên Lô đất và cam kết không can thiệp vào hoạt động đầu tư hợp pháp của Bên B thực hiện trên Lô đất.

(ii) 尊重乙方对地块上建设资产的所有权，承诺不干涉乙方在地块上的合法投资活动。

(iii) Bàn giao Lô đất theo đúng vị trí mà các bên đã thoả thuận theo Hợp đồng này và đảm bảo cung cấp điểm đầu nối cơ sở hạ tầng (điện, cấp và thoát nước) đến sát bên ngoài ranh giới của Lô đất. Đảm bảo cung cấp đủ điện theo nhu cầu của Bên B trong thời gian thực hiện dự án đầu tư tại Lô đất này.

(iii) 根据双方在本合同约定的地点移交地块，并确保提供到地块外部边界的基础设施连接点（电力、供水和排水）。确保在乙方在该地块实施项目期间内根据乙方的要求供电。

(iv) Đảm bảo cho bên B được sử dụng Cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B theo quy định tại Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng trong KCN TH.

(iv) 确保乙方能够使用工业园区基础设施，按照新兴工业园区基础设施使用合同的规定，为乙方的生产经营创造有利条件。

(vi) Trong thời gian tối đa 8 tháng kể từ khi Bên A nhận được khoản tiền thanh toán đợt 2 (quy định tại điều 4.2 Hợp đồng này) và nhận đủ hồ sơ tài liệu từ Bên B, Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản hợp đồng này (sổ đỏ) bản gốc cho Bên B. Nếu quá thời hạn này mà Bên A không bàn giao được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B thì Bên A sẽ bị áp dụng mức phạt 0,3%/ngày chậm bàn giao trừ trường hợp bất khả kháng và ảnh hưởng của các điều kiện khách quan liên quan đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thụ lý hồ sơ. Tổng mức phạt không quá 10% phí sử dụng hạ tầng trọn gói. Nếu trong vòng 18 tháng bên A không bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên B đối với Một phần Lô CN-03 (CN-03.5) cho bên B, thì bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và hoàn trả lại lô đất. Trong trường hợp đó, Bên A phải trả lại toàn bộ tiền thuê lô đất và các chi phí mà bên B đã xây dựng trên lô đất cho bên B.

(vi) 自收到第二期款项（本合同 4.2 款规定）及乙方完整的文件和材料之日起 8 个月内，甲方将向乙方完成土地使用权证书的申请。如果在此期限之后，甲方不将土地使用权证交乙方，逾期交甲方按 0.3%/天罚款，不可抗力情况以及在受理卷宗过程中受到关于国家主管部门的客观条件影响的除外。总赔偿金额不得超过本合同价值的 10%。。如果在 18 个月内，甲方未将乙方在 CN-03 地块部分 (CN-03.5) 的土地使用权证书移交给乙方，则乙方有权要求终止合同并退还地块。在这种情况下，甲方必须归还乙方所有地块租金以及乙方在该地块上建设的费用。

(vii) Hỗ trợ bên B các thủ tục cần thiết trong quá trình chuyển nhượng tài sản gắn liền với lô đất (quy định tại điểm (v) khoản 7.2 điều 7 của hợp đồng này) và hỗ trợ đối tác thuê xưởng của bên B (quy

海

Kau

định tại điểm (vi) khoản 7.2 điều 7 của hợp đồng này), trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Bên B.

(vii) 支持乙方办理土地附属资产转让过程中的必要手续（第本合同第7条第7.2款第（v）点规定），支持乙方厂房租赁乙方（第（vi）点规定）本合同第7条第7.2条），如国家主管部门在乙方投资登记证上允许的。

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2 乙方责任:

(i) Sử dụng Lô đất đúng mục đích đã cam kết Hợp đồng này và Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư được cơ quan nhà nước cấp; không huỷ hoại Lô đất hoặc để bất cứ bên thứ ba nào huỷ hoại Lô đất. Trong suốt Thời hạn thuê lại, được phép chuyển nhượng cho bên thứ 3 một phần hoặc toàn bộ Lô đất, nếu không có nhu cầu sử dụng Lô đất đó. Bên A có trách nhiệm hỗ trợ ký các thủ tục chuyển nhượng có liên quan tới Lô đất với các bên liên quan. Toàn bộ chi phí chuyển nhượng do bên B chi trả.

(i) 将地块用于本合约和主管当局核发的投资登记证所承诺的投资目的；在转租期限内不毁坏地块或让任何第三方毁坏地块；如果不需要使用该地块，则允许将部分或全部地块转让给第三方。甲方负责协助与有关的各方签订该地块相关的转让手续，所有转让费用由乙方支付。

(ii) Bên B chịu trách nhiệm xin cấp giấy phép xây dựng và các giấy tờ khác theo quy định pháp luật hiện hành (mọi chi phí do Bên B chi trả), đồng thời chỉ được triển khai xây dựng nhà xưởng khi dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Thiết kế, xây dựng các công trình trên Lô đất phù hợp với Chứng chỉ quy hoạch của Ban quản lý các Khu Công nghiệp Bắc Giang, quy định xây dựng trong Khu công nghiệp KCN TH và Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) 乙方负责按照现行法律办理施工许可证和法律规定的其他文件（费用由乙方支付），同时只在项目获得主管机构的施工许可才能开始施工建筑厂房。根据北宁省工业管理局的规划证书在地块、新兴工业区的建设规定和主管当局的许可证，在该地块上设计和建造工程。

(iii) Sau khi được bàn giao đất, Bên B phải xây dựng tường rào bao quanh toàn bộ Lô đất. Hàng rào nhà máy phải được xây dựng thông thoáng và đảm bảo mỹ thuật cho Khu công nghiệp, và phải tuân thủ theo Quy định xây dựng trong Khu công nghiệp.

(iii) 土地移交后，乙方必须在整个地块周围建造围栏。厂区围栏的建设必须符合工业区的通风、美观要求，并符合工业区的建设规定。

(iv) Bên B phải có hệ thống xử lý và thoát nước thải riêng biệt được kiểm tra bởi các thiết bị dụng cụ đo kiểm tin cậy, có hồ sơ ghi chép thường xuyên báo cáo cho Bên A. Bên B phải có xử lý sơ bộ (đạt tiêu chuẩn xả thải của Khu công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp do Bên A vận hành. Đối với việc xử lý khí thải, tiếng ồn, phế liệu, Bên B phải chấp hành theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường môi sinh.

13

(iv) 乙方必须有单独的废水处理和排水系统，通过可靠的测量仪器的检查，并记录来定期向甲方报告。乙方必须进行初步处理（达到工业园区排放标准），然后才排放到甲方运营的工业综合污水处理系统。对于废气、噪音和废料的处理，乙方必须遵守越南环境保护法的现行规定。

(v) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B được thực hiện quyền chuyển nhượng lại tài sản gắn liền với Lô đất cho các tổ chức, cá nhân khác theo các quy định của pháp luật hiện hành về đất đai đối với Lô đất. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu mức phí chuyển nhượng cho Bên A bằng 1% (bằng chữ: một phần trăm) giá trị của phần đất chuyển nhượng (tính theo giá trị đất vào thời điểm chuyển nhượng).

(v) 在本合同履行期间，乙方有权根据对于地块的现行土地法的规定，将附在该地块上的资产转让给其他组织和个人。在这种情况下，乙方必须向甲方承担相当于出让土地价值的 1%（即百分之一）的转让金（根据转让时的土地价值）。

Các ưu đãi Bên A áp dụng cho Bên B sẽ không được áp dụng khi xảy ra việc chuyển nhượng.

转让发生时，甲方适用于乙方的优惠将不适用。

(vi) Sau khi nhà xưởng của bên B đã được xây dựng, nếu bên B không sử dụng hết, thì bên B có quyền cho thuê một phần nhà xưởng sau khi được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước đồng ý bằng văn bản. Bên A không được có ý định ngăn cản, đồng thời cũng sẽ hỗ trợ đối tác thuê xưởng của bên B nếu đối tác này cần hỗ trợ.

(vi) 乙方厂房建成后，如乙方不全部使用，经国家主管部门书面批准后，乙方有权租赁部分厂房。甲方不得有意阻止，若乙方厂房租赁方需要协助，甲方将提供支持。

(vii) Kể từ ngày ký kết hợp đồng này, trong thời hạn tối đa 12 tháng, Bên B phải đưa đất vào sử dụng; trong thời hạn tối đa 24 tháng, Bên B phải hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng và công trình phụ trợ để đưa dự án vào hoạt động. Nếu quá 12 tháng mà Bên B không đưa đất vào sử dụng, hoặc quá 24 tháng mà Bên B không hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ theo tiến độ dự án (chậm đưa đất vào sử dụng), thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng thuê lại đất này và kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất trên (trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại điều 8 Hợp đồng này). Nếu Bên B không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng do bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng, hai Bên sẽ cùng thảo luận để xử lý.

(vii) 乙方必须在签署本合约后最长 12 个月内将土地投入使用；最长 24 个月内完成厂房及附属工程的建设，使项目投产。如 12 个月后，乙方仍未投入使用土地，或 24 个月后，乙方仍未按项目进度完成厂房及附属工程建设（缓慢投入使用），则甲方有权单方面终止本土土地租赁合同并建议国家主管机构收回上述土地面积（本合同第八条规定的不可抗力除外）。如乙方因受不可抗力事件影响而不使用土地、缓慢投入使用土地，双方将协商处理。

(viii) Bên B chịu trách nhiệm xin cấp phép và làm việc với cơ quan phòng cháy chữa cháy để Bên B đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh, mọi chi phí do Bên B chi trả.

(viii) 乙方负责向消防机关申办理申请许可手续，使乙方获得生产经营资格，所有费用由乙方承担。

海

14
Nhu

(ix) Bên B chịu trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh, mọi chi phí do Bên B chi trả.

(ix) 乙方负责联系国家主管部门依据环境保护法办理环保手续, 获得生产经营资格, 一切费用由乙方承担。

Điều 8: Sự kiện bất khả kháng

第八条: 不可抗力

8.1. Các bên sẽ không phải chịu trách nhiệm nào với nhau về việc không thực hiện, chậm hoặc thực hiện không đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan quy định trong Hợp đồng này trong trường hợp xảy ra các sự kiện khách quan, ngoài tầm kiểm soát của các bên như: đình công, bãi công, chiến tranh (dù có công bố hay không), bạo động, thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bom mìn còn sót lại sau chiến tranh, hành động của kẻ thù nước ngoài, nội chiến, nổi loạn, khởi nghĩa, các hoạt động khủng bố, cấm vận, quốc hữu hóa, biểu tình, cách mạng, hành động hoặc không hành động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các Bên, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

如果发生超出各方控制的客观事件, 例如: 停工、罢工、战争(无论是否宣布)、暴乱、自然灾害、流行病、炸弹、战争遗留的地雷、外敌的行为、内战、叛乱、恐怖活动、禁运、国有化、示威、革命、国家主管机构的作为或不作为而影响双方的商业活动、以及越南法律规定的其他情况, 双方不因未能、延迟或不完全履行本合同规定的相关责任和义务而相互承担责任。

8.2. Khi một trong hai Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên kia biết trong vòng 10 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời phải cùng với Bên kia tích cực, chủ động để thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp đồng và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra. Bên gặp phải trường hợp bất khả kháng trong trường hợp này không bị coi là vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng đã thỏa thuận. Tuy nhiên nếu Bên gặp phải trường hợp bất khả kháng không nỗ lực đến mức tối đa để thực hiện Hợp đồng và khắc phục hoặc hạn chế thiệt hại xảy ra thì vẫn bị coi là vi phạm Hợp đồng.

当任何一方遇到不可抗力事件导致不能或延迟履行合同约定的义务时, 必须在事件发生之日起 10 日内立即通知另一方不可抗力事件。同时, 应与对方一起积极、主动地履行合同中的义务, 将可能造成的损害降到最低。本案中发生不可抗力事件的一方不应视为违反约定的合同义务。但是, 如果发生不可抗力事件的一方未尽最大努力履行合同并补救或限制损失, 仍将被视为违约。

8.3 Tùy vào tính chất/mức độ của sự kiện bất khả kháng, các Bên có thể thống nhất tạm dừng hay chấm dứt Hợp đồng sau khi gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia. Sự kiện bất khả kháng xảy ra không miễn trừ các nghĩa vụ của mỗi Bên đã thực hiện trước đó. Nếu một phần Lô Đất còn có thể sử

海

15
N

dụng được, Bên B sẽ tiếp tục sử dụng phần còn lại đó và Phí Quản Lý Khu công nghiệp sẽ được tính trên phần đất có thể sử dụng được.

根据不可抗力事件的性质/严重程度, 双方可以在向另一方发出书面通知后同意暂停或终止合同。不可抗力事件的发生并不免除各方先前履行的义务。如部分地块仍可使用, 乙方继续使用剩余部分, 工业区管理费按那个可使用的土地收取。

Điều 9: Hiệu lực, chấm dứt hợp đồng

第九条: 合同的生效和终止

9.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

本合同自签署之日起生效。

9.2. Hợp Đồng này chấm dứt khi xuất hiện một trong các sự kiện sau đây:

本合同在下列事件之一发生时终止:

a. Khi các Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng;

当双方就终止合同有书面协议时;

b. Các Bên đã hoàn thành (các) quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này;

双方已履行其在本合同项下的权利和义务;

c. Bên B không thực hiện thanh toán theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp Đồng này;

乙方未按本合同第 4.2 条规定支付款项;

d. Bên B không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo điểm (vii) Khoản 7.2 của Hợp đồng này.

乙方未按本合同第 4.2 条规定支付款项;

e. Bên B lâm vào tình trạng không thể thanh toán, hoặc đang thực hiện bất kỳ trình tự nào để phá sản hoặc giải thể;

乙方无力偿付, 或正在办理破产或解散手续;

f. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật có liên quan.

根据有关法律规定的其他情况。

9.3. Tại thời điểm chấm dứt Hợp Đồng này, hai Bên làm Biên bản thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp Hợp Đồng chấm dứt, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại vẫn có hiệu lực.

16

本合同终止时，双方依法做清算合同的记录。在合同终止的任何情况下，赔偿损失的义务仍然有效。

Điều 10: Giải quyết tranh chấp

第十条：争端解决

10.1 Bên A và Bên B tại đây cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản của Hợp Đồng này. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bất đồng hay khiếu kiện phát sinh từ hay liên quan đến Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hành vi vi phạm, chấm dứt hay vô hiệu của Hợp Đồng, mỗi Bên cần thông báo cho Bên kia bằng văn bản và giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà giải. Thời gian hòa giải là bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo đó để giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà giải.

甲乙双方在此承诺完全遵守本合同的条款。如因本合同引起或发生与本合同有关的任何争议、分歧或索赔，或任何违反、终止或无效本合同的情况，各方应书面通知对方，并通过协商和调解解决争端。调解时间为自通知之日起四十五 (45) 个工作日，以通过调解解决争议。

10.2 Nếu không đạt được thoả thuận chung chấp nhận được về việc giải quyết tranh chấp trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc, bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra toà án nhân dân có thẩm quyền của Tỉnh Bắc Giang. Chi phí giải quyết vụ việc sẽ do bên thua kiện chi trả.

如果在四十五 (45) 个工作日内无法就争议解决达成双方都能接受的协议，任何一方均可将争议提交省级主管人民法院。诉讼费用由败诉方承担。

10.3 Khi có bất kỳ tranh chấp nào nảy sinh và khi có bất kỳ tranh chấp nào đang được Toà án phân xử, thì ngoại trừ các vấn đề đang tranh chấp, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các quyền và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan còn lại của mình theo Hợp Đồng này.



当任何争议发生时以及当任何争议正在由法院仲裁时，除争议事项外，双方应继续行使权利并履行其在本合同项下的剩余关系。

Điều 11: Các điều khoản khác

第十一条：其他规定

11.1. Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả những ngày được ghi trong hợp đồng này đều được tính theo ngày làm việc, không tính ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

本协议受越南社会主义共和国法律管辖并据其解释。本合同规定的所有天数均根据工作日计算，节假日和法律规定的节假日除外。

  17

11.2. **Sửa đổi Hợp Đồng:** Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi có văn bản sửa đổi, bổ sung có chữ ký của các Bên tham gia tương ứng trong Hợp Đồng này.

合同的修改: 只有当双方在本合同中签署了修改和补充时, 才能对本合同进行修改和补充。

11.3. Không Bên nào được phép chuyển nhượng Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này mà không được Bên kia đồng ý trước bằng văn bản.

未经另一方事先书面同意, 任何一方不得转让本合同或其在本合同项下的任何权利和义务。

11.4. Hợp đồng này được lập thành sáu (6) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Trung có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ba (3) bản gốc. Bất kỳ sự không nhất quán nào giữa bản tiếng Trung và bản tiếng Việt sẽ được coi là lỗi dịch thuật và được giải quyết bằng cách viện dẫn đến bản gốc tiếng Việt.

本合同以越南语和中文写成六 (6) 份原件, 具有同等效力, 各方保留三 (3) 份原件。本合同以中文和越南语制作。两种语言具有同等的法律效力。但是, 若中文版本与越南语版本之间有任何不一致将被视为翻译错误, 将参考越南语原文解决。

Ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, các đại diện được ủy quyền hợp lệ của Các Bên ký vào Hợp Đồng này vào ngày, tháng và năm được ghi ở phần đầu của Hợp Đồng.

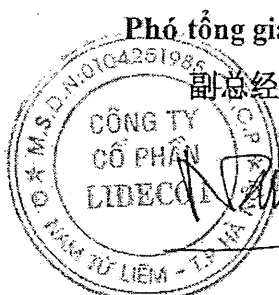
双方正式授权的代表人要注意到本合同中的约定并签署合同, 且写清楚合同开头的日期、月份和年份。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人

Phó tổng giám đốc

副总经理



Nguyễn Hoài Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人

Tổng giám đốc

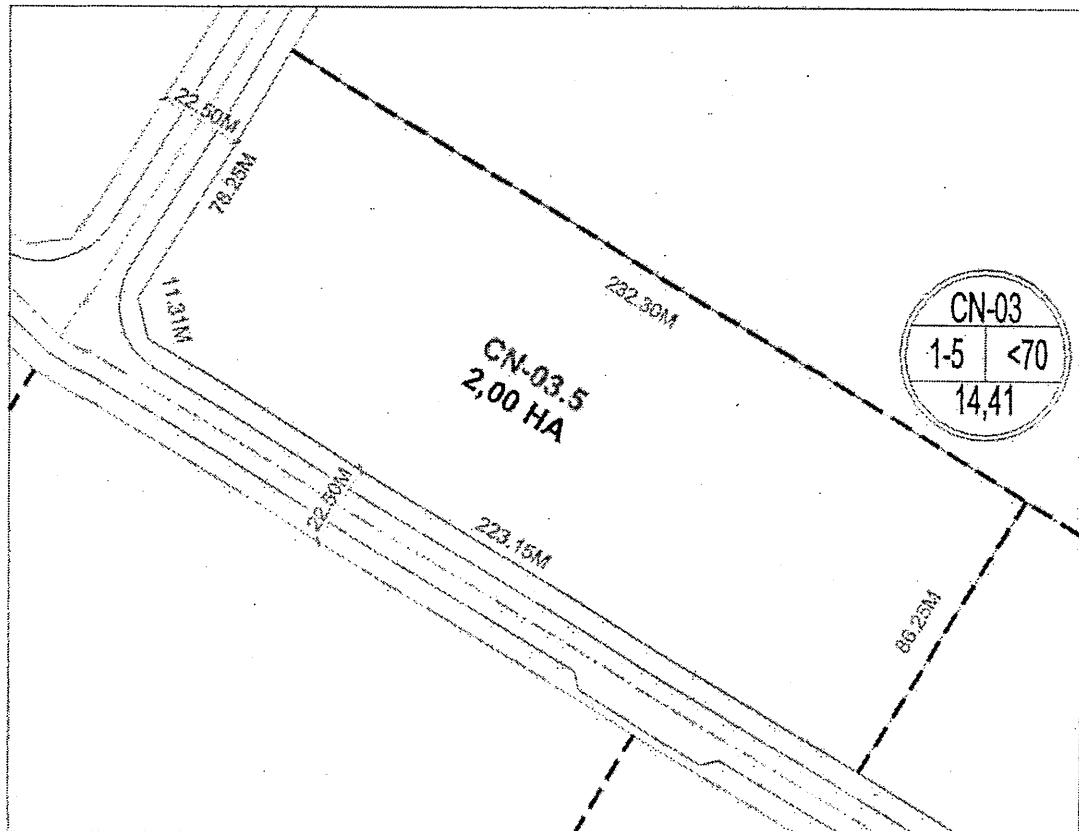
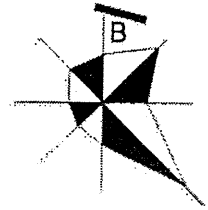
总经理



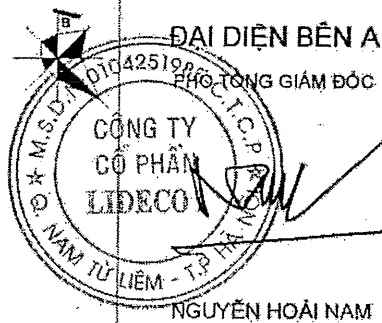
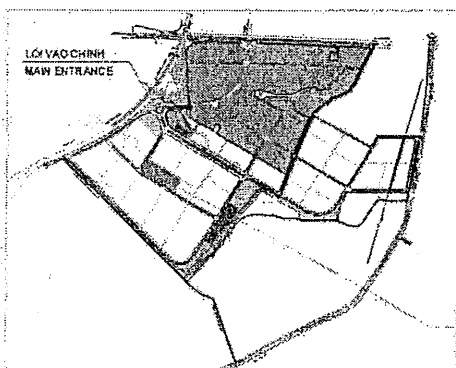
CHEN, HONGHAI

BẢN VẼ MỐC GIỚI
DRAWING OF LANDMARKS

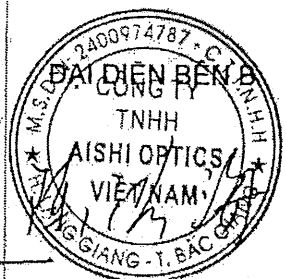
KHU CÔNG NGHIỆP TÂN HƯNG - LẠNG GIANG - BẮC GIANG
TAN HUNG INDUSTRIAL PARK - LANG GIANG - BAC GIANG



VỊ TRÍ XÁC ĐỊNH TRÊN PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ
LOCATION DEFINED IN MASTER PLAN



NGUYỄN HOÀI NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHEN, HONGHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỔI HẠ TẦNG

Căn cứ:

- Hợp đồng cho thuê lại đất tại KCN Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam số: 02/2023/HĐTD-LDC1&AISHI giữa Công ty Cổ Phần LIDECO 1 và Công ty TNHH Aishi Optics Việt Nam .
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8704353356 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang chứng nhận ngày 25 tháng 9 năm 2023.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400974787 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Lideco 1 chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN LIDECO 1 (BÊN A)

Ông: Dương Quang Ánh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông: Tống Thành Lê	Chức vụ: Trưởng phòng KT
Ông: Nguyễn Quang Sáng	Chức vụ: Phó Ban QLDA

II. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH AISHI OPTICS VIỆT NAM (BÊN B)

Ông: CHEN, HONGHAI	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông:	Chức vụ:

Các bên thống nhất vị trí các điểm đầu nổi hạ tầng kỹ thuật và các nội dung liên quan như sau:

A. ĐẦU NỔI HẠ TẦNG KỸ THUẬT VỚI KHU CÔNG NGHIỆP: (có bản vẽ kèm theo)

1. Điểm đầu nổi cống:

- Số lượng: 1 Cống có chiều rộng 21m, mở rộng hè là 31m.
- Vị trí: cống số 01 ra mặt đường số 8. Có các mốc tọa độ (chi tiết xem bản vẽ):

MỐC TỌA ĐỘ ĐẦU NỔI CỐNG		
	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
A1	2.361.222,386	425.708,858
A2	2.361.211,458	425.726,790
A3	2.361.203,732	425.727,937
A4	2.361.219,864	425.701,467

- Yêu cầu chung:
 - (i) Cao độ tiếp giáp mặt đường Bê tông nhựa vuốt nổi êm thuận với cao độ hiện trạng của đường tại vị trí cống và phù hợp với cao độ sân đường hoàn thiện của nhà máy;
 - (ii) Thiết kế hào cấp qua phần cống vào nhà máy để Bên A tiện thi công các công trình ngầm khác (điện, viễn thông) không phải cắt đường;
 - (iii) Kết cấu cống phải đảm bảo an toàn cho các hạ tầng ngầm của KCN.

2. Điểm đầu nổi cấp thoát nước:

2.1. Điểm đầu cấp nước sạch:

- Số lượng: 01 điểm.

- Đường ống đầu nổi: HDPE D90.
- Vị trí cấp nước: Trên vỉa hè tuyến đường số 7 tiếp giáp với nhà máy tại N3.14.
- Yêu cầu chung: Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị cung cấp nước sạch và các trách nhiệm khác có liên quan trước khi tiến hành đầu nổi.

2.2. Điểm đầu thoát nước thải sinh hoạt và công nghiệp:

- Số lượng: 01 điểm.
- Đường ống đầu nổi: D200 HDPE.
- Vị trí đầu nổi: Trên vỉa hè tuyến đường số 7, tại hố ga thoát nước thải A52.5.
- Yêu cầu chung: (i) Bên B có trách nhiệm xây dựng hố ga trung gian (đặt bên trong hàng rào nhà máy của bên B) có kích thước 2m x 2m, mặt hố ga có lỗ lấy mẫu D20cm, có lưới chắn rác và van khóa, đáy ống nước thải cao hơn đáy hố ga trung gian là 50 cm; (ii) Bên B ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (85% lượng nước sạch bên B sử dụng) và các trách nhiệm khác có liên quan với Bên A mới được xả thải vào hố ga thu gom nước thải của KCN.

2.3. Điểm thoát nước mưa:

- Yêu cầu chung: Xây dựng hố ga trung gian kích thước 2m x 2m (phía trong hàng rào nhà máy của bên B) và lắp đặt hệ thống van khóa và lưới chắn rác 3cm x 3cm.
- Số lượng: 02 điểm.
- Đường ống đầu nổi: cống BTCT, D600.
- Vị trí đầu nổi: tại hố ga thoát nước mưa trên vỉa hè tuyến đường số 8 tại ga GGC4 và 2.3 đường số 7.

2.4. Yêu cầu khác:

Việc thiết kế xây dựng các điểm đầu nổi từ khu đất của Bên B với hệ thống thoát nước chung của KCN phải tuân thủ theo mẫu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công của KCN Tân Hưng đính kèm Biên bản thỏa thuận này và các yêu cầu chính sau:

- Bên B có trách nhiệm thiết kế và xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải (gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) thành 2 hệ thống thoát nước riêng biệt trong khu vực đất của Bên B trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của KCN, đảm bảo không làm ảnh hưởng tới sự vận hành bình thường của các hạng mục hạ tầng xung quanh.
- Hệ thống thoát nước thải trong khu vực đất của bên B phải được thiết kế và thi công xây dựng trong hệ thống ống kín nhằm đảm bảo nước mưa không chảy vào hệ thống thoát nước thải; Bên B có trách nhiệm xây hố ga trung gian và cánh phai ngăn nước thải (đảm bảo kín, không làm rò rỉ khi đóng cánh phai) trong khu vực đất của bên B trước khi đầu nổi với hệ thống thoát nước thải chung của KCN để bên A kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các thông số của nước thải của Bên B thải ra.
- Hệ thống thoát nước thải phải bố trí hệ thống quan trắc tại hố ga cuối nằm trong đất doanh nghiệp và có hệ thống lưới chắn rác để tách rác trước khi nước thải chảy vào đường thoát nước thải của KCN.
- Bên B không được phép tự ý khoan giếng trên phần đất của bên B cũng như khai thác trái phép tài nguyên nước. Nếu bên B vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Điểm đầu cấp điện:

- Số lượng: 01 điểm.
- Vị trí đầu nổi: Trên vỉa hè tuyến đường số 8 tại Cột điện số 34A-KCNTH. Bên B cần liên hệ với Đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện (Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Đông Bắc) và Bên A để thống nhất điểm đầu nổi cấp điện theo thực tế.

- Yêu cầu kỹ thuật: Đường điện đi ngầm, đầu nối từ cột điện số 34A-KCNTH dự kiến; Cầu dao, Máy cắt Recloser, chống sét van trung thế được lắp đặt trên cột 34A-KCNTH của Bên A.

4. Hàng rào nhà máy tiếp giáp với đường giao thông nội bộ KCN:

- Bên B có trách nhiệm thi công hàng rào (mặt tiếp giáp với tuyến đường giao thông nội bộ) theo mẫu chung của KCN đã ban hành (Có bản vẽ kèm theo).

B. THỎA THUẬN BIỆN PHÁP THI CÔNG:

Biện pháp thi công: Đục hạ thấp cao độ tường hồ ga xuống tới cốt cấp phối đường công vào bằng thủ công, máy đục tay; Ghép ván khuôn, đổ bê tông cốt thép cổ ga bằng bê tông tại chỗ, khớp với kích thước hồ ga hiện trạng; định vị và lắp đặt nắp ga đảm bảo kỹ thuật, thẩm mỹ. Trong quá trình khai thác sử dụng, Bên B chịu trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế nắp ga đảm bảo giao thông ra vào khu đất của Bên B được an toàn, thông suốt.

C. CÁC NỘI DUNG KHÁC:

Trước khi thi công, Bên B có trách nhiệm thông báo trước kế hoạch thực hiện cho Bên A và phải được sự chấp thuận bằng văn bản; đồng thời Bên B cung cấp các bản vẽ thiết kế:

- + Mặt bằng tổng thể công trình.
- + Bản vẽ tường rào, nhà bảo vệ (thể hiện vị trí ranh giới lô đất thuê).
- + Bản vẽ thiết kế san nền trong phạm vi đất (nếu có).
- + Chi tiết kết cấu của mặt đường lồi vào cổng nhà máy.
- + Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải.
- + Mặt bằng cấp điện.
- + Mặt bằng cấp nước.
- + Một đĩa (CD) lưu file các bản vẽ.

Bên B phải chuyển bản vẽ thiết kế thi công đầu nối cống, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, đường cấp điện, viễn thông cho Bên A phê duyệt, đảm bảo mỹ quan và quản lý thống nhất. Bên B có biện pháp thi công an toàn, mọi hư hỏng thiệt hại nếu có thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.

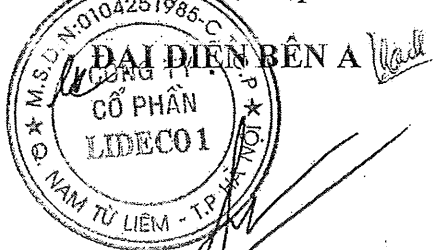
Trong quá trình thi công hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, Bên A sẽ phối hợp với Bên B để kiểm tra đảm bảo tách biệt riêng rẽ nước mưa và nước thải. Trước khi tiến hành lắp đất che khuất thì Bên B phải thông báo Bên A đến nghiệm thu. Công tác đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Dự án chỉ được tiến hành khi hệ thống thoát nước mưa, nước thải nội bộ đã được thi công xong và đã được Bên A nghiệm thu.

Chi tiết, vị trí chính xác của các điểm đầu nối sẽ được hai Bên thống nhất và điều chỉnh phù hợp với thực tế trong quá trình thi công xây dựng.

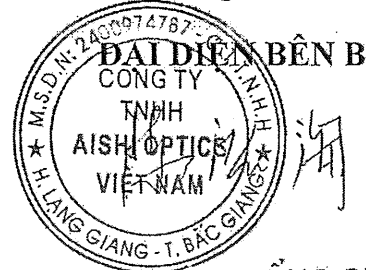
Sau khi xây dựng hoàn thành, Bên B phải gửi cho Bên A toàn bộ bản vẽ hoàn công công trình đưa vào sử dụng.

Hai bên cam kết chịu trách nhiệm và thực hiện theo đúng các nội dung đã thống nhất. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Quang Anh



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHEN, HONGHAI

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2533 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Hưng, tỉnh Bắc Giang”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 175/CV-LDC1 ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Công ty Cổ phần LIDECO 1 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Hưng, tỉnh Bắc Giang” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Hưng, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần LIDECO 1 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Hưng và Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty Cổ phần LIDECO 1;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang;
- BQL các KCN tỉnh Bắc Giang;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT, HH10.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

